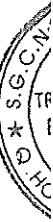


Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 73
Phụ lục 1 - Cơ cấu tổ chức tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	74 - 80

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 57 được cấp ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch
Ông Lê Khắc Hiệp	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó chủ tịch
Ông Ling Chung Yee Roy	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Ông Marc Villiers Townsend	Thành viên
Ông Joseph Raymond Gagnon	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng ban
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vân Trinh	Thành viên
Bà Hoàng Thúy Mai	Thành viên

Từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mai Hoa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

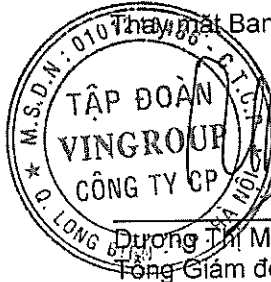
Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được thông tin tổng thể đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60729565/17685138/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) được trình bày từ trang 5 đến trang 80, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 26 tháng 8 năm 2015 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1938-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		20.096.212.200.269	20.092.207.677.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.431.457.516.076	1.314.658.214.340
111	1. Tiền		196.706.463.094	935.266.714.359
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.234.751.052.982	379.391.499.981
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	2.142.803.784.111	688.066.375.511
121	1. Chứng khoán kinh doanh		105.781.413.500	105.781.413.500
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(14.599.008.000)	(31.336.416.600)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.051.621.378.611	613.621.378.611
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.395.708.982.231	13.787.499.177.821
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	415.870.576.287	515.249.760.099
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		457.359.464.307	114.366.565.557
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	7.825.804.548.396	10.095.161.190.581
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.776.984.215.037	3.131.713.514.435
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8, 9	(80.309.821.796)	(68.991.852.851)
140	IV. Hàng tồn kho		31.328.121.604	22.158.842.184
141	1. Hàng tồn kho		32.810.667.059	25.847.478.548
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.482.545.455)	(3.688.636.364)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.094.913.796.247	4.279.825.067.164
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	48.976.366.800	26.227.092.547
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.988.692.437	3.274.991.133
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	3.284.386.992
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	6.040.948.737.010	4.247.038.596.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47.108.363.846.760	40.784.821.808.845
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.674.078.206.667	8.091.078.206.667
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	11.674.074.666.667	8.091.074.666.667
216	2. Phải thu dài hạn khác		3.540.000	3.540.000
220	II. Tài sản cố định		171.104.768.515	104.324.220.093
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	156.362.387.206	102.014.347.170
222	Nguyên giá		205.307.994.600	139.031.470.716
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(48.945.607.394)	(37.017.123.546)
227	2. Tài sản cố định vô hình		14.742.381.309	2.309.872.923
228	Nguyên giá		26.492.776.380	12.983.112.859
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.750.395.071)	(10.673.239.936)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	83.697.941.224	84.659.986.526
231	1. Nguyên giá		87.706.085.875	87.706.085.875
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.008.144.651)	(3.046.099.349)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	14	2.451.440.268.128	323.868.622.522
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.451.440.268.128	323.868.622.522
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	30.034.895.747.742	29.504.213.677.394
251	1. Đầu tư vào công ty con		28.721.918.929.560	28.244.446.859.212
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		748.181.818.182	695.681.818.182
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		564.795.000.000	564.085.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.693.146.914.484	2.676.677.095.643
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	93.146.914.484	76.677.095.643
268	2. Tài sản dài hạn khác	11	2.600.000.000.000	2.600.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		67.204.576.047.029	60.877.029.485.865

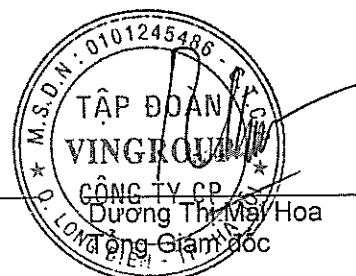
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.655.087.704.692	27.687.931.788.167
310	I. Nợ ngắn hạn		10.364.042.394.626	8.483.803.086.673
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		116.229.727.443	46.074.302.187
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.797.288.030	7.908.840.017
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	178.079.636.732	249.838.425.237
314	4. Phải trả người lao động		542.622.321	13.034.839.193
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	559.111.955.886	566.089.686.086
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		35.188.091.142	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.633.200.021.042	1.573.363.101.316
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.1	6.827.893.052.030	6.027.493.892.637
330	II. Nợ dài hạn		21.291.045.310.066	19.204.128.701.494
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	2.438.679.366
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19.2	17.950.573.457.471	15.859.405.931.214
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	20	3.340.471.852.595	3.342.284.090.914
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.549.488.342.337	33.189.097.697.698
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	35.549.488.342.337	33.189.097.697.698
411	1. Vốn cổ phần đã góp		14.587.886.850.000	14.545.550.980.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		14.587.886.850.000	14.545.550.980.000
411b	- Cổ phần ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		16.605.147.579.304	16.568.774.634.832
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		26.000.000.000	21.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.330.453.913.033	2.053.772.082.866
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.048.772.082.866	32.769.028.090
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.281.681.830.167	2.021.003.054.776
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		67.204.576.047.029	60.877.029.485.865

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	395.223.183.938	215.033.743.129
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	395.223.183.938	215.033.743.129
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23	(312.309.456.509)	(211.523.456.039)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.913.727.429	3.510.287.090
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	3.766.661.480.309	2.556.639.512.772
22	7. Chi phí tài chính	24	(1.495.685.379.641)	(1.419.128.957.531)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.270.163.457.528)	(1.100.537.106.128)
25	8. Chi phí bán hàng		(2.877.343.400)	(4.247.156.000)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(34.802.016.150)	(66.071.430.845)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.316.210.468.547	1.070.702.255.486
31	11. Thu nhập khác	25	1.875.460.037	18.293.091.928
32	12. Chi phí khác	25	(497.778.964)	(8.931.710.945)
40	13. Lợi nhuận khác	25	1.377.681.073	9.361.380.983

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.317.588.149.620	1.080.063.636.469
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(35.906.319.453)	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.281.681.830.167	1.080.063.636.469

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.317.588.149.621	1.080.063.636.469
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
03	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	12, 13	13.967.684.285 (5.419.439.655)	8.051.782.117 67.754.226.559
04	Các khoản dự phòng			
05	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	24	235.253.487.510	140.326.974.835
06	Lãi từ hoạt động đầu tư	22.2	(3.762.908.980.309)	(2.555.861.427.243)
06	Chi phí lãi vay	24	1.270.163.457.528	1.100.537.106.128
08	3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		68.644.358.980	(159.127.701.135)
09	Tăng các khoản phải thu		(279.981.629.699)	(423.202.526.826)
10	Tăng hàng tồn kho		(9.169.279.420)	(396.058.560)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.239.496.008)	207.089.317.094
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(42.484.542.911)	30.365.122.213
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.095.443.956.688)	(790.536.311.381)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(41.988.627.482)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.366.674.545.747)	(1.177.796.786.077)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.147.434.779.056)	(132.697.682.775)
22	Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	207.329.553.500
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(13.429.102.523.436)	(5.531.373.966.309)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		11.097.047.114.642	4.906.129.185.492
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.024.375.964.442)	(6.034.321.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.848.110.110.475	987.099.660.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.701.808.358.277	428.968.024.654
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.953.947.683.540)	(5.168.866.225.438)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		10.891.391.698.325	10.681.695.937.631
34	Tiền trả nợ gốc vay		(7.453.992.059.022)	(4.506.846.133.333)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.437.399.639.303	6.174.849.804.298
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		116.777.410.016	(171.813.207.217)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.314.658.214.340	766.283.831.400
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		21.891.720	14.895.811
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.431.457.516.076	594.485.519.994

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 57 được cấp ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là: 446 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 532).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 73 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 15.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY***2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Phụ lục số 1 và Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày. Công ty đã hoàn thành và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản, quyền sử dụng đất được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và các chi phí chung được phân bổ.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng tồn kho khác (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của hàng tồn kho được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	38 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	45 năm
---------	--------

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư. Các quyền sử dụng đất có thời hạn đó được trích khấu hao trong suốt thời hạn được cấp phép.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phát hành các khoản vay và trái phiếu và các chi phí khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà thầu xây dựng hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và ghi nhận là quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Trái phiếu chuyển đổi

Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng. Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi được phân loại là nợ phải trả tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền mặt	166.959.394	216.302.539
Tiền gửi ngân hàng	196.539.503.700	935.050.411.820
Các khoản tương đương tiền	1.234.751.052.982	379.391.499.981
TỔNG CỘNG	<u>1.431.457.516.076</u>	<u>1.314.658.214.340</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VNĐ tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5%/năm và có thời hạn từ 1 tháng đến 3 tháng.

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ	1.305.906	2.959
- Euro	90	95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)			Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
- Cổ phiếu niêm yết DPM (i)	32.369.112.000	17.770.104.000	(14.599.008.000)	32.369.112.000	18.428.256.000	(13.940.856.000)	
- Cổ phiếu niêm yết BID (ii)	73.412.301.500	97.477.950.700	-	73.412.301.500	56.016.740.900	(17.395.560.600)	
TỔNG CỘNG	105.781.413.500	115.248.054.700	(14.599.008.000)	105.781.413.500	74.444.996.900	(31.336.416.600)	

(i) Cổ phiếu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

(ii) Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)			Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ	
- Các khoản tiền gửi ngân hàng (i)	166.000.000.000	166.000.000.000	116.000.000.000	116.000.000.000	116.000.000.000	116.000.000.000	
- Các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn phải thu hồi	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611	
- Chứng chỉ tiền gửi (i)	1.388.000.000.000	1.388.000.000.000	1.388.000.000.000	-	-	-	
TỔNG CỘNG	2.051.621.378.611	2.051.621.378.611	613.621.378.611	613.621.378.611	613.621.378.611	613.621.378.611	

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 5%/năm đến 7,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	2.898.275.101	43.776.143.151
Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	25.686.648.180	35.325.134.031
Phải thu phí dịch vụ quản lý công ty con	387.285.653.006	436.148.482.917
TỔNG CỘNG	<u>415.870.576.287</u>	<u>515.249.760.099</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	13.776.561.136	23.515.872.944
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	402.094.015.151	491.733.887.155
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.317.450.396)	(4.317.450.396)
Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng chiếm trên 10% tổng phải thu		
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Sài Đồng (Thuyết minh số 28)</i>	126.554.702.075	120.213.363.203
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Hoàng Gia (Thuyết minh số 28)</i>	57.611.379.008	55.570.894.844
<i>Phải thu phí quản lý từ Công ty Nam Hà Nội (Thuyết minh số 28)</i>	54.343.092.815	145.596.886.833

7. NỢ XẤU

Nợ xấu của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu thương mại, phải thu gốc và lãi cho vay các khách hàng đã quá hạn thanh toán:

<i>Đối tượng nợ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Một khách thuê trung tâm thương mại	138.108.699.089	62.116.327.689	129.395.946.169	64.721.543.714
Các đối tượng khác	4.317.450.396	-	4.317.450.396	-
Tổng cộng	<u>142.426.149.485</u>	<u>62.116.327.689</u>	<u>133.713.396.565</u>	<u>64.721.543.714</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Các khoản cho khách hàng vay đến hạn thu hồi	82.578.564.022	82.578.564.022
Các khoản cho vay khác	83.077.886.534	64.292.886.000
Các khoản cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	7.660.148.097.840	9.948.289.740.559
	7.825.804.548.396	10.095.161.190.581
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(53.935.096.970)	(45.908.601.100)
<i>Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn chiếm trên 10% tổng phải thu:</i>		
<i>Công ty Hoàng Gia</i>	1.231.392.454.460	2.934.454.548.946
<i>Công ty Nam Hà Nội</i>	1.713.300.000.000	1.566.593.982.774
Dài hạn		
Các khoản cho vay các cá nhân	904.533.000.000	904.533.000.000
Các khoản cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	10.769.541.666.667	7.186.541.666.667
	11.674.074.666.667	8.091.074.666.667
<i>Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn chiếm trên 10% tổng phải thu:</i>		
<i>Công ty Vincom Retail</i>	7.348.541.666.667	5.586.541.666.667
<i>Công ty Hoàng Gia</i>	1.266.700.000.000	-
<i>Công ty VMM Royal City</i>	1.600.000.000.000	1.600.000.000.000

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Phải thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	116.222.000.000	2.062.403.366.049
Lãi phải thu từ cho vay và tiền gửi	1.490.505.582.731	624.956.758.554
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con	32.000.000.000	385.546.875.000
Chi phí trả hộ các công ty con và khác	80.176.808.137	40.629.222.614
Phải thu khác	58.079.824.169	18.177.292.218
TỔNG CỘNG	1.776.984.215.037	3.131.713.514.435
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	531.281.941.821	176.355.958.285
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	1.245.702.273.216	2.955.357.556.150
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(22.057.274.430)	(18.765.801.355)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bản quyền phần mềm	19.714.928.465	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.261.438.335	26.227.092.547
TỔNG CỘNG	48.976.366.800	26.227.092.547
Dài hạn		
Lợi thế thương mại (i)	51.692.703.040	68.923.604.056
Chi phí cung cấp dịch vụ quản lý văn phòng trả trước	35.028.571.800	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.425.639.644	7.753.491.587
TỔNG CỘNG	93.146.914.484	76.677.095.643

- (i) Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch sáp nhập giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại PFV trong năm 2013.

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (i)	6.033.333.333.335	4.233.333.333.335
Tài sản ngắn hạn khác	7.615.403.675	13.705.263.157
TỔNG CỘNG	6.040.948.737.010	4.247.038.596.492
Dài hạn:		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (ii)	2.600.000.000.000	2.600.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.600.000.000.000	2.600.000.000.000

- (i) Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho mục đích đầu tư bao gồm:

- Khoản đặt cọc 4.000 tỷ VNĐ cho một công ty con để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Nam Hà Nội (Thuyết minh số 28);
- Khoản đặt cọc 233,3 tỷ VNĐ cho một đối tác doanh nghiệp để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Tân Liên Phát;
- Khoản đặt cọc 1.800 tỷ VNĐ cho hai đối tác cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty hiện đang sở hữu một dự án bất động sản tiềm năng tại quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- (ii) Các khoản đặt cọc dài hạn cho mục đích đầu tư bao gồm:

- Khoản đặt cọc 1.500 tỷ VNĐ cho một đối tác doanh nghiệp để đảm bảo quyền được tham gia hợp tác thực hiện một dự án tiềm năng tại tỉnh Hưng Yên; và
- Khoản đặt cọc 1.100 tỷ VNĐ cho một đối tác doanh nghiệp cho mục đích phát triển một dự án bất động sản tiềm năng tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quân lý	Đơn vị tính: VNĐ
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu kỳ	45.939.641.000	9.084.021.507	52.825.510.067	31.182.298.142	139.031.470.716
Mua trong kỳ	-	5.724.690.549	60.278.628.791	273.204.544	66.276.523.884
Số dư cuối kỳ	45.939.641.000	14.808.712.056	113.104.138.858	31.455.502.686	205.307.994.600
Giá trị hao mòn:					
Số dư đầu kỳ	256.056.861	2.515.267.218	15.487.041.059	18.758.758.408	37.017.123.546
Tăng trong kỳ	556.622.133	731.827.878	6.165.055.749	4.474.978.088	11.928.483.848
Số dư cuối kỳ	812.678.994	3.247.095.096	21.652.096.808	23.233.736.496	48.945.607.394
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu kỳ	45.683.584.139	6.568.754.289	37.338.469.008	12.423.539.734	102.014.347.170
Số dư cuối kỳ	45.126.962.006	11.561.616.960	91.452.042.050	8.221.766.190	156.362.387.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

Nhà cửa

Nguyên giá:	
Số dư đầu kỳ	87.706.085.875
Tăng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>87.706.085.875</u>
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu kỳ	3.046.099.349
Tăng trong kỳ	962.045.302
Số dư cuối kỳ	<u>4.008.144.651</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu kỳ	<u>84.659.986.526</u>
Số dư cuối kỳ	<u>83.697.941.224</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày 30 tháng 6
năm 2015Ngày 31 tháng 12
năm 2014
(trình bày lại)

Dự án Vinhomes Riverside 2	1.044.744.459.076	40.801.352.790
Dự án Vincom Xuân Khánh Cần Thơ	684.954.105.951	243.159.240.000
Dự án Vincom Hà Tĩnh	403.125.446.054	-
Dự án Khu đô thị sinh thái đảo Vũ Yên	229.056.287.979	-
Dự án Vincom Center Hùng Vương – Huế	58.117.671.548	-
Các dự án khác	31.442.297.520	39.908.029.732
TỔNG CỘNG	<u>2.451.440.268.128</u>	<u>323.868.622.522</u>

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con (*)	28.721.918.929.560	28.721.918.929.560	-	28.244.446.859.212	28.244.446.859.212	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	748.181.818.182	748.181.818.182	-	695.681.818.182	695.681.818.182	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	564.795.000.000	564.795.000.000	-	564.085.000.000	564.085.000.000	-
TỔNG CỘNG	30.034.895.747.742	30.034.895.747.742	-	29.504.213.677.394	29.504.213.677.394	-

(*) Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp vốn góp ký giữa Công ty Vincom Retail, WP Investments III B.V. ("Warburg Pincus") và Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore ("Credit Suisse") ngày 12 tháng 7 năm 2013 và các sửa đổi sau đó liên quan đến khoản vay chuyển đổi và việc phát hành cổ phần ưu đãi của Công ty Vincom Retail, toàn bộ cổ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty Vincom Center Bà Triệu, Công ty Vincom Center Long Biên, Công ty Vincom Center B HCM, Công ty BĐS Hải Phòng và 50% cổ phần vốn góp trong Công ty VMM Times City đang được dùng làm tài sản đảm bảo để bảo lãnh không hủy ngang cho việc Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch và việc các Chủ sở hữu (Founders) và Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình liên quan đến quyền chọn bán cho các Chủ sở hữu, được ký kết với Warburg Pincus và Credit Suisse.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên đơn vị (*)	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
1	Công ty Tân Liên Phát	278.375.000	4.948.890.138.887	278.375.000	4.948.890.138.887
2	Công ty Hoàng Gia	311.550.000	4.481.900.000.000	311.550.000	4.481.900.000.000
3	Công ty Vinpearlland	(**)	3.605.384.894.672	(**)	3.605.384.894.672
4	Công ty Vincom Retail (i) (x)	295.140.000	2.974.398.834.032	294.300.000	2.943.000.000.000
5	Công ty Sài Đồng (ii)	112.800.300	2.212.943.935.291	112.800.300	2.212.943.935.291
6	Công ty Xavinco	190.875.000	2.071.029.000.000	190.875.000	2.071.029.000.000
7	Công ty Ánh Sao (iii)	(**)	1.574.701.709.844	-	-
8	Công ty Thời Đại	(**)	1.561.000.000.000	(**)	1.561.000.000.000
9	Công ty Triền lãm Việt Nam (iv)	148.970.345	1.497.451.967.250	-	-
10	Công ty Nam Hà Nội (xiv)	106.000.000	1.222.636.568.618	106.000.000	1.222.636.568.618
11	Công ty Siêu thị VinMart (xv)	21.000.000	560.000.000.000	21.000.000	560.000.000.000
12	Công ty VinEcom (v) (vii)	(**)	368.844.043.467	(**)	318.144.043.467
13	Công ty Vinhomes 1 (vi)	(**)	300.000.000.000	(**)	300.000.000.000
14	Công ty VinPro (vii)	(**)	258.000.000.000	-	-
15	Công ty Vinlinks (viii)	3.236.212	299.168.116.600	-	-
16	Công ty BFF	(**)	198.000.000.000	(**)	198.000.000.000
17	Công ty QLXD Vincom 1 (x)	(**)	153.045.000.000	(**)	120.000.000.000
18	Công ty Siêu Tốc (ix)	14.805.000	148.050.000.000	-	-
19	Công ty QLXD Vincom 2 (vii)	(**)	94.000.000.000	(**)	55.800.000.000
20	Công ty Vinfashion (vii)	7.000.000	70.000.000.000	1.400.000	14.000.000.000
21	Công ty Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS (vii)	(**)	36.200.000.000	-	-
22	Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes (vi) (x)	(**)	31.000.000.000	-	-
23	Công ty VinAcademy (vii)	(**)	4.500.000.000	-	-
24	Công ty QLXD Vincom 3 (vii)	(**)	10.310.000.000	(**)	3.810.000.000
25	Công ty QLXD Vincom 5 (vii)	(**)	6.150.000.000	-	-
26	Công ty Vinschool (vii) (xiii)	(**)	6.000.000.000	(**)	5.000.000.000
27	Công ty Vinhomes 2 (vi)	(**)	5.640.000.000	-	-
28	Công ty Vineco (xvi)	(**)	11.500.000.000	-	-
29	Công ty QLXD Vincom 4 (vii)	(**)	3.950.000.000	-	-
30	Công ty Bảo vệ Vincom	(**)	2.000.000.000	(**)	2.000.000.000
31	Công ty Vinlandscape (vii)	(**)	1.789.720.899	(**)	1.637.634.948
32	Công ty QLXD Vincom 6 (vii)	(**)	1.600.000.000	-	-
33	Công ty Marketing VME (vii)	(**)	1.100.000.000	-	-
34	Công ty Tây Tăng Long	(**)	635.000.000	(**)	635.000.000
35	Công ty Hà Thành	(**)	100.000.000	(**)	100.000.000
36	Công ty Vinpearl (xi)	-	-	78.200.000	2.772.738.591.328
37	Công ty Khánh Gia (x)	-	-	29.896.700	783.712.093.800
38	Công ty BĐS Hồ Tây (xii)	-	-	5.250.000	52.500.000.000
39	Công ty BĐS Viettronics (x)	-	-	300.000	4.071.428.572
40	Công ty Vincom Office (x)	-	-	(**)	3.468.529.629
41	Công ty Xây dựng Vinmart (x)	-	-	(**)	2.045.000.000
42	Công ty QLXD Vincom 7	-	-	-	-
			28.721.918.929.560		28.244.446.859.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) *Thông tin chi tiết của các công ty con được trình bày tại Phụ lục 1.*

(**) *Đây là các công ty trách nhiệm hữu hạn.*

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, thông qua Công ty Vincom Retail, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:

- Công ty BĐS Hải Phòng;
- Công ty Vincom Center B HCM;
- Công ty Vincom Center Bà Triệu;
- Công ty VMM Royal City;
- Công ty VMM Times City;
- Công ty Vincom Center Hạ Long;
- Công ty Metropolis;
- Công ty Riverview Đà Nẵng;
- Công ty Vincom Center Thủ Đức;
- Công ty Vin Tây;
- Công ty Suối Hoa.

Phụ lục 1 trình bày chi tiết về thông tin của các công ty con trên.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, thông qua Công ty Sài Đồng, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:

- Công ty ISADO;
- Công ty Hồng Ngân.

(iii) Vào ngày 13 tháng 5 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 94% cổ phần của Công ty Ánh Sao từ các cá nhân.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2015, Công ty đã ký thỏa thuận nguyên tắc với một đối tác doanh nghiệp về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Ánh Sao nắm bởi Công ty.

(iv) Vào ngày 6 tháng 5 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 89,42% cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Hội Chợ Triển lãm Việt Nam.

(v) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2015, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 15% phần vốn góp trong Công ty VinEcom cho một số cá nhân.

(vi) Theo Quyết định số 440/2014/CV-TGD-VINGROUP ngày 30 tháng 12 năm 2014, Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes được tách thành 3 công ty là Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes, Công ty TNHH Cho thuê Bất động sản Vinhomes (các công ty được tách), và Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes (công ty bị tách). Vào ngày 5 tháng 1 năm 2015, Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes được đổi tên thành Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1. Sau đó, ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty cho thuê Bất động sản Vinhomes được sáp nhập vào Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes.

(vii) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào các công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (viii) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua 80% cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hợp Nhất từ một cá nhân. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hợp Nhất sau đó được đổi tên thành Công ty Vinlinks. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, thông qua Công ty Vinlinks, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
- Công ty Chuyển phát nhanh Hợp Nhất;
 - Công ty Hợp Nhất Thương mại.
- (ix) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2015, Công ty đã nhận chuyển nhượng 94% cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Siêu tốc từ một số cá nhân.
- (x) Ngày 1 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch sáp nhập sau:
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Khánh Gia ("Công ty Khánh Gia") được sáp nhập vào Công ty Vincom Center Thủ Đức;
 - Công ty Cổ phần Bất động sản Viettronics ("Công ty BĐS Viettronics") và Công ty TNHH Vincom Office ("Công ty Vincom Office") được sáp nhập vào Công ty Vincom Retail;
 - Công ty Công ty TNHH Xây dựng Vinmart ("Công ty Xây dựng Vinmart") được sáp nhập vào Công ty QLXD Vincom 1;
 - Công ty TNHH Cho thuê Bất động sản Vinhomes được sáp nhập vào Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes.
- (xi) Ngày 8 tháng 5 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 19,45% cổ phần của Công ty Vinpearl cho Công ty Tân Liên Phát. Tuy nhiên, Công ty vẫn gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vinpearl thông qua các công ty con khác cũng như các công ty con của Công ty Vinpearl bao gồm:
- Công ty Hòn Một;
 - Công ty Vinpearl Nha Trang;
 - Công ty Vinpearl Đà Nẵng;
 - Công ty Vinpearl Hội An;
 - Công ty Tây Hồ View;
 - Công ty FPI;
 - Công ty Tây Tăng Long;
 - Công ty Vinpearl Bãi Dài;
 - Công ty Cam Ranh;
 - Công ty Hòn Tre;
 - Công ty Vinpearl Hạ Long;
 - Công ty Vinpearl Quy Nhơn;
 - Công ty Du lịch Phú Quốc;
 - Công ty Vinpearl Phú Quốc;
 - Công ty Vincharm SPA;
 - Công ty Quản lý Khách sạn Vinpearl; và
 - Công ty Quản lý Sân golf Vinpearl.
- (xii) Ngày 8 tháng 5 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty BĐS Hồ Tây đã thông qua quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty BĐS Hồ Tây từ 75 tỷ VNĐ lên 200 tỷ VNĐ. Với việc Công ty từ chối mua toàn bộ cổ phần được quyền mua thêm, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty BĐS Hồ Tây giảm từ 70% xuống còn 26,25% và theo đó, Công ty BĐS Hồ Tây trở thành công ty liên kết của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (xiii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, thông qua Công ty Vinschool, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty VinGS.
- (xiv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, thông qua Công ty Nam Hà Nội, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vinmec.
- (xv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, thông qua Công ty Siêu thị Vinmart, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Siêu thị Đại Dương.
- (xvi) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, thông qua Công ty Vineco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vineco Tam Đảo.

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh ("Công ty Thành phố Xanh")	663.181.818.182	663.181.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hồ Tây ("Công ty BĐS Hồ Tây")	52.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long ("Công ty BĐS Thăng Long")	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông ("Công ty Ngọc Viễn Đông")	6.000.000.000	6.000.000.000
TỔNG CỘNG	748.181.818.182	695.681.818.182

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty liên kết này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Thành phố Xanh	49,10	46,66	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	➤ Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty BĐS Hồ Tây	26,25	26,25	Số 69B, phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội	➤ Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty BĐS Thăng Long	35,00	35,00	Số 13, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	➤ Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	30,00	30,00	Lầu 1, 35 - 37 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	➤ Sản xuất, bán buôn sản phẩm bê tông
5	Công ty Ngọc Viễn Đông	45,00	45,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	➤ Kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	12.400.000.000	12.400.000.000
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	552.395.000.000	551.685.000.000
	564.795.000.000	564.085.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu của các công ty khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	400.000	3,87	12.400.000.000	400.000	3,87	12.400.000.000
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	50.000.000	10,00	552.395.000.000	50.000.000	10,00	551.685.000.000
TỔNG CỘNG	50.400.000		564.795.000.000	50.400.000		564.085.000.000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Bù trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	131.998.082	-	131.998.082	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	798.414.328	798.414.328	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	348.480.000	348.480.000	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27)	-	35.906.319.453	-	(3.284.386.992)	32.621.932.461
Thuế thu nhập cá nhân	2.747.824.142	26.751.721.915	24.817.093.333	-	4.682.452.724
Tiền sử dụng đất phải nộp	243.159.240.000	54.751.590.000	157.493.394.000	-	140.417.436.000
Thuế nhà thầu	3.799.363.013	24.863.790.016	28.305.337.482	-	357.815.547
TỔNG CỘNG	249.838.425.237	143.420.315.712	211.894.717.225	(3.284.386.992)	178.079.636.732
Phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.284.386.992	-	-	(3.284.386.992)	-
TỔNG CỘNG	3.284.386.992	-	-	(3.284.386.992)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	515.142.838.732	517.857.734.215
Trích trước giá vốn của bất động sản đã chuyển nhượng	17.377.893.853	17.465.480.474
Trích trước chi phí xây dựng	21.736.185.554	22.572.203.838
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.558.369.605	1.561.246.867
Các khoản chi phí phải trả khác	3.296.668.142	6.633.020.692
TỔNG CỘNG	<u>559.111.955.886</u>	<u>566.089.686.086</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả</i>	324.006.861.199	311.093.309.518
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	235.105.094.687	254.996.376.568

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Tiền quản lý tập trung phải trả các công ty con	532.009.241.727	541.168.077.274
Đặt cọc để mua các khoản đầu tư của Công ty (i)	295.000.000.000	295.000.000.000
Đặt cọc để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	1.097.808.894.417	40.801.352.790
Quỹ bảo trì	53.291.377.163	91.403.715.670
Phải trả tiền tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng nguyên tắc (Thuyết minh số 28)	575.000.000.000	575.000.000.000
Bảo hiểm xã hội phải nộp	1.812.132.783	2.074.003.837
Phải trả cho hoạt động đầu tư	70.074.856.264	25.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.203.518.688	2.915.951.745
TỔNG CỘNG	<u>2.633.200.021.042</u>	<u>1.573.363.101.316</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	418.528.505.547	390.318.564.506
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	2.214.671.515.495	1.183.044.536.810

- (i) Bao gồm các khoản đặt cọc của đối tác đầu tư để mua lại các khoản đầu tư của Công ty.
- (ii) Bao gồm các khoản đặt cọc để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư các dự án bất động sản tiềm năng của Tập đoàn.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

19.1 Vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2014		Trong kỳ		30 tháng 06 năm 2015	
	Giá trị (trình bày lại)	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.328.440.690.173	5.328.440.690.173	8.124.891.698.325	(7.753.428.725.689)	5.699.903.662.810	5.699.903.662.810
Nợ dài hạn đến hạn trả	699.053.202.464	699.053.202.464	916.533.686.757	(487.597.500.000)	1.127.989.389.220	1.127.989.389.220
TỔNG CỘNG	6.027.493.892.637	6.027.493.892.637	9.041.425.385.082	(8.241.026.225.689)	6.827.893.052.030	6.827.893.052.030

Đơn vị tính: VNĐ

19.2 Vay dài hạn

	31 tháng 12 năm 2014		Trong kỳ		30 tháng 06 năm 2015	
	Giá trị (trình bày lại)	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu trong nước (i)	6.927.813.591.367	6.927.813.591.367	2.812.882.862.049	(33.843.889.452)	9.706.852.563.965	9.706.852.563.965
Trái phiếu quốc tế (ii)	4.045.070.854.083	4.045.070.854.083	125.675.262.997	(1.747.371.250)	4.168.998.745.824	4.168.998.745.824
Vay hợp vốn quốc tế (iii)	3.106.903.122.062	3.106.903.122.062	973.669.992.405	(1.369.316.250.000)	2.711.256.864.465	2.711.256.864.465
<i>Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
(Thuyết minh số 19.1)	(699.053.202.464)	(699.053.202.464)	(916.533.686.757)	487.597.500.000	(1.127.989.389.220)	(1.127.989.389.220)
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.478.671.566.166	2.478.671.566.166	12.783.106.265	-	2.491.454.672.431	2.491.454.672.431
TỔNG CỘNG	15.859.405.931.214	15.859.405.931.214	3.008.477.536.959	(917.310.010.702)	17.950.573.457.471	17.950.573.457.471

Đơn vị tính: VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(i) Trái phiếu trong nước

- ▶ Loại trái phiếu thứ nhất có giá trị theo mệnh giá là 4.000 tỷ VNĐ được phát hành vào ngày 11 tháng 2 năm 2014 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm và được điều chỉnh trong các kỳ tính lãi tiếp theo dựa trên lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ trả sau, kỳ hạn 6 tháng được công bố bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, cộng biên độ 4%.

Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu này bao gồm khu Trung tâm thương mại và bãi đậu xe ngầm của Tòa nhà Vincom Đồng Khởi, cùng với 9.000.000 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi Công ty Vinpearl, công ty con.

- ▶ Loại trái phiếu thứ hai có giá trị theo mệnh giá là 3.000 tỷ VNĐ bao gồm 30.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 8 tháng 9 năm 2014 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 4%.
- ▶ Loại trái phiếu thứ ba có giá trị theo mệnh giá là 2.000 tỷ VNĐ được phát hành vào ngày 2 tháng 6 năm 2015 và có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 5%. Loại trái phiếu này được bảo lãnh bởi một công ty con.
- ▶ Loại trái phiếu thứ tư có giá trị theo mệnh giá là 800 tỷ VNĐ bao gồm 8.000.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 và có kỳ hạn 4 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên (từ ngày phát hành đến nhưng không bao gồm ngày 16 tháng 9 năm 2015) là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 4%.

Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu thứ hai và thứ tư sở hữu bởi các công ty con, bao gồm bất động sản, động sản và quyền phát sinh từ: (i) Thửa đất số 00 tại Ô CC-1 và CC-2 (Phân khu KT-A) Khu du lịch sinh thái An Viên, phường Vĩnh Nguyên và phường Vĩnh Trường, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với tổng diện tích là 3.997m²; (ii) thửa đất số 01, tờ bản đồ số 673/2011/TĐ.BĐ, thửa đất số 01 (Khu C, D, E, F, G, H), tờ bản đồ số 1702/2015SĐĐ, thửa đất số 01 (Khu B), tờ bản đồ số 1703/2015SĐĐ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, có tổng diện tích là 2.012.603,4m²; (iii) các thửa đất có tổng diện tích 138.795,5m² tại Bãi Trũ, Vũng Me, đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; (iv) toàn bộ bất động sản gắn liền trên các khu đất thuộc Dự án VAP và dự án khách sạn 5 sao (kể cả các thửa đất thế chấp) ngoại trừ đất thuộc riêng Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự có địa chỉ tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; và (v) tất cả quyền tài sản (ngoại trừ các quyền đối với Vinpearl Luxury Nha Trang và khu biệt thự), tất cả các tài khoản thương mại, quyền sở hữu trí tuệ, và tất cả các tài sản vô hình khác không thuộc về quyền sở hữu trí tuệ, tiền bảo hiểm và tất cả quyền tài sản theo hợp đồng bảo hiểm, máy móc thiết bị, và tất cả quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho các nghĩa vụ, quyền tài sản nêu trên của các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(ii) Trái phiếu quốc tế

Trái phiếu quốc tế có giá trị theo mệnh giá là 200 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 11 năm 2013, với thời hạn 4,5 năm. Trái phiếu này không cần tài sản đảm bảo và có lãi suất cố định 11,625%/năm, lãi suất được trả 2 lần/năm.

(iii) Vay hợp vốn quốc tế

Trong tháng 10 năm 2013, Công ty việc ký kết hợp đồng vay hợp vốn quốc tế với số tiền là 150 triệu đô la Mỹ, có mức lãi suất LIBOR + 5,5%/năm. Việc thanh toán gốc của khoản vay hợp vốn quốc tế này sẽ được chia thành 8 đợt, bắt đầu từ tháng thứ 18 cho đến tháng thứ 36 kể từ ngày giải ngân khoản vay. Trong kỳ, Công ty đã thanh toán 22,5 triệu đô la Mỹ. Tài sản đảm bảo của khoản vay này bao gồm: (i) cổ phiếu của Công ty Vincom Retail sở hữu bởi Tập đoàn và (ii) 24.926.673 cổ phiếu của Công ty sở hữu bởi các công ty con.

20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 300 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 4 và tháng 7 năm 2012, với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không được đảm bảo và có lãi suất cố định 5%/năm. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên (do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi) và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả tài chính.

Theo điều khoản của trái phiếu chuyển đổi này, các trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh vào ngày 3 tháng 10 hàng năm, bắt đầu từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 cho tới ngày 3 tháng 10 năm 2016. Số dư trái phiếu còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 155.300.000 đô la Mỹ.

Đơn vị tính: USD

	<u>Thay đổi trong kỳ</u>				Ngày 30 tháng 6 năm 2015
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	Đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu	
Giá trị	163.200.000	-	(7.900.000)	-	155.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Giá trị trái phiếu chuyển đổi (*)	5.939.186.943.335	5.939.186.943.335
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	<u>5.939.186.943.335</u>	<u>5.939.186.943.335</u>
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế chi phí phát hành		
Số đầu kỳ	162.509.508.159	87.116.756.481
Số phân bổ tăng trong kỳ	<u>94.848.401.101</u>	<u>43.003.704.859</u>
Số cuối kỳ	257.357.909.260	130.120.461.340
Trừ: Chuyển đổi lũy kế đến cuối kỳ	3.024.230.000.000	43.890.000.000
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	157.461.258.333	141.179.775.000
Cộng: Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện đến cuối kỳ	<u>10.695.741.667</u>	<u>155.225.000</u>
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	<u>3.340.471.852.595</u>	<u>6.166.752.404.675</u>

(*) Giá trị trái phiếu chuyển đổi sau khi trừ đi chi phí phát hành.

Trong kỳ, các trái chủ đã quyết định chuyển đổi các trái phiếu với tổng mệnh giá là 7.900.000 đô la Mỹ thành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, 7.900.000 đô la Mỹ trái phiếu chuyển đổi này được chuyển đổi thành 4.233.587 cổ phiếu theo giá phát hành là 39.000 VNĐ/cổ phiếu.

Việc chuyển đổi này làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 42.335.870.000 VNĐ (tương ứng với 4.233.587 cổ phiếu theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu).

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (trình bày lại)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	Tổng cộng
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9.296.036.790.000	13.706.823.617.810	(1.746.271.037.482)	16.000.000.000	6.562.874.420.378	27.835.463.790.706
- Tăng từ chuyển đổi trái phiếu	348.330.000	1.741.670.000	-	-	-	2.090.000.000
- Trích quỹ khác	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.080.063.636.469	1.080.063.636.469
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	9.296.385.120.000	13.708.565.287.810	(1.746.271.037.482)	21.000.000.000	7.637.938.056.847	28.917.617.427.175
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.545.550.980.000	16.568.774.634.832	-	21.000.000.000	2.053.772.082.866	33.189.097.697.698
- Tăng từ chuyển đổi trái phiếu (ii)	42.335.870.000	36.372.944.472	-	-	-	78.708.814.472
- Trích quỹ khác	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.281.681.830.167	2.281.681.830.167
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	14.587.886.850.000	16.605.147.579.304	-	26.000.000.000	4.330.453.913.033	35.549.488.342.337

(i) Vào ngày 23 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2015/NQ-DHĐCĐ-VINGROUP về kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:258 (mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận cổ tức bằng 258 cổ phiếu). Ngày 1 tháng 7 năm 2015 là ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Công văn số 302/2015/CV-TGD-VINGROUP ngày 9 tháng 6 năm 2015 về việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, số lượng cổ phiếu được Công ty phát hành thêm là 376.363.926 cổ phiếu theo Thông báo số S26/2015-VIC/VSD ngày 6 tháng 7 năm 2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 20, trong kỳ các trái chủ đã chuyển đổi 7.900.000 đô la Mỹ trái phiếu thành 4.233.587 cổ phiếu phổ thông của Công ty (theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu). Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 42.335.870.000 VNĐ (tương đương với 4.233.587 cổ phiếu phổ thông với trị mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu) và thặng dư cổ phần tăng thêm 36.372.944.472 VNĐ, sau khi giảm trừ các chi phí phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	14.545.550.980.000	9.296.036.790.000
Tăng vốn trong kỳ	42.335.870.000	348.330.000
Giảm vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	14.587.886.850.000	9.296.385.120.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	-	-

21.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Cổ tức đã công bố trong kỳ	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả		
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông	-	1.997.793.162.288
Cổ tức trả bằng cổ phiếu trên cổ phiếu phổ thông	3.763.639.260.000	4.527.339.553.440

21.4 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.458.788.685	1.454.555.098
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.458.788.685	1.454.555.098
Cổ phiếu phổ thông	1.458.788.685	1.454.555.098
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.458.788.685	1.454.555.098
Cổ phiếu phổ thông	1.458.788.685	1.454.555.098
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Tổng doanh thu	395.223.183.938	215.033.743.129
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ đi kèm</i>	71.739.769.788	71.409.957.005
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con</i>	316.285.368.696	143.623.786.124
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	7.198.045.454	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	395.223.183.938	215.033.743.129
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ đi kèm</i>	71.739.769.788	71.409.957.005
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con</i>	316.285.368.696	143.623.786.124
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	7.198.045.454	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	25.694.730.414	41.894.929.803
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	369.528.453.524	173.138.813.326

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	1.544.042.160.311	1.038.557.810.452
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.752.500.000	-
Thu nhập từ hoạt động đầu tư (i)	2.160.505.837.340	1.441.546.237.500
Thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư (ii)	58.360.982.658	75.757.379.291
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	777.816.000
Thu nhập tài chính khác	-	269.529
TỔNG CỘNG	3.766.661.480.309	2.556.639.512.772

(i) Thu nhập từ hoạt động đầu tư trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản cổ tức được chia từ các công ty con là Công ty Thời Đại, Công ty Vinpearlland và Công ty Hoàng Gia.

(ii) Chủ yếu bao gồm thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư trong kỳ bao gồm lãi từ việc chuyển nhượng 94% cổ phần trong Công ty Khánh Gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ đi kèm	61.978.109.960	67.899.669.915
Chi phí cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con	243.296.437.458	143.623.786.124
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	7.034.909.091	-
TỔNG CỘNG	<u>312.309.456.509</u>	<u>211.523.456.039</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí lãi vay	1.155.004.168.444	1.100.537.106.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.718.801.445	18.511.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	228.287.186.065	140.326.974.835
Chi phí phát hành trái phiếu và vay chuyển đổi phân bổ trong kỳ	115.159.289.085	101.806.500.227
Thay đổi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16.737.408.600)	76.439.864.600
Chi phí tài chính khác	3.253.343.202	-
TỔNG CỘNG	<u>1.495.685.379.641</u>	<u>1.419.128.957.531</u>

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập khác	1.875.460.037	18.293.091.928
Thu từ thanh lý tài sản	109.367.813	7.616.304.038
Phạt vi phạm hợp đồng	36.185.000	45.583.618
Thu nhập khác	1.729.907.224	10.631.204.272
Chi phí khác	497.778.964	8.931.710.945
Chi phí thanh lý tài sản	109.367.813	7.616.304.038
Phạt vi phạm hợp đồng và phạt hành chính	67.097.134	-
Chi phí khác	321.314.017	1.315.406.907
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.377.681.073</u>	<u>9.361.380.983</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Chi phí nhân công	130.891.001.632	70.825.955.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.967.684.285	8.051.782.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.917.703.643	101.880.152.311
Chi phí khác (không bao gồm chi phí tài chính)	51.175.615.010	101.084.153.092
TỔNG CỘNG	<u>356.952.004.570</u>	<u>281.842.042.884</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(35.906.319.453)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	<u>(35.906.319.453)</u>	<u>-</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.317.588.149.620	1.080.063.636.469
Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán	(2.142.922.208.444)	(1.423.252.412.347)
Thu nhập từ cổ tức	(2.160.505.837.340)	(1.441.546.237.500)
Chi phí từ thiện	12.441.475.877	16.385.297.205
Các chi phí không được khấu trừ khác	5.142.153.019	1.908.527.948
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh chưa trừ chuyển lỗi và trước thuế	174.665.941.176	(343.188.775.878)
Lỗi kỳ trước chuyển sang	(11.455.398.206)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	163.210.542.970	(343.188.775.878)
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	35.906.319.453	-
Thuế TNDN trả thừa đầu kỳ	(3.284.386.992)	(3.284.386.992)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải trả/(trả thừa) cuối kỳ (Thuyết minh số 16)	32.621.932.461	(3.284.386.992)

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 0 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 11.455.398.206 VNĐ).

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

► Giao dịch về mua tài sản và cung cấp dịch vụ quản lý:

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản, dịch vụ phải trả	Thanh toán mua tài sản, dịch vụ	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, bán điện nước phải thu	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, bán dịch vụ quản lý, bán điện nước đã thu	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Vincom Center Bà Triệu	Công ty con	(15.471.960.691)	55.485.257.747	-	-	-
Công ty VinEcom	Công ty con	-	19.967.801.426	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	-	105.176.155.872	(103.135.671.708)	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	-	-	107.010.728.594	(198.264.522.611)	
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	-	8.519.202.255	(11.713.357.764)	
Công ty Vincom Center B HCM	Công ty con	-	-	30.572.659.436	(19.002.611.347)	
Công ty Vinpearl	Công ty con	-	-	8.320.696.422	(52.829.874.638)	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	-	31.266.750.086	(13.173.431.078)	
Công ty QLXD Vincom 2	Công ty con	(154.739.969.146)	60.000.000.000	-	-	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	28.805.804.512	(31.686.384.963)	
Công ty Quản Lý Khách Sạn Vinpearl	Công ty con	-	-	8.061.395.456	-	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	-	-	14.918.952.758	-	
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Việt Nam	Công ty đồng chủ sở hữu	(14.211.344.946)	14.247.684.600	-	-	
Công ty Vinpearland	Công ty con	-	-	25.117.801.309	(5.090.685.639)	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch về mua tài sản và cung cấp dịch vụ quản lý: (tiếp theo)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản, dịch vụ phải trả	Thanh toán mua tài sản, dịch vụ	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý phải thu	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý đã thu	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Vincom Center B HCM	Công ty con	-	-	16.789.164.250	(15.263.325.229)	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	-	58.729.786.299	(58.729.786.299)	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	-	32.806.625.323	-	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	-	-	15.795.532.756	-	
Công ty Vinpearl	Công ty con	-	-	14.448.461.198	(14.448.461.198)	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	-	13.783.356.005	(13.120.511.392)	
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	-	10.875.059.988	(10.875.059.988)	
Công ty Vincom Center Bà Triệu	Công ty con	(20.034.694.302)	20.034.694.302	-	-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Nam	Công ty đồng chủ sở hữu	(6.578.689.800)	6.578.689.800	-	-	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch về chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng cổ phần:

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	(1.481.439.467.097)	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	-	(422.341.898.952)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Công ty Vinschool	Công ty con	-	(43.000.000.000)	-	-
Công ty Vincom Center Thủ Đức	Công ty con	907.887.877.800	(907.887.877.800)	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	2.772.737.400.000	(2.772.737.400.000)	-	-

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	83.006.000.000	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	6.000.000.000	-
Công ty VinGS	Công ty con	83.006.000.000	-	-	-	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch về góp vốn, nhận cổ tức và hợp tác đầu tư:

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Cổ tức được chia	Cổ tức nhận được	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	200.000.000.000	(168.000.000.000)	
Công ty Vinpearland	Công ty con	-	300.000.000.000	(300.000.000.000)	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	1.655.109.375.000	(2.040.656.250.000)	
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con	16.000.000.000	-	-	
Công ty QLXD Vincom 2	Công ty con	38.200.000.000	-	-	
Công ty QLXD Vincom 3	Công ty con	6.500.000.000	-	-	
Công ty QLXD Vincom 5	Công ty con	6.150.000.000	-	-	
Công ty Vineco	Công ty con	11.500.000.000	-	-	
Công ty VinPro	Công ty con	258.000.000.000	-	-	
Công ty Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	Công ty con	36.200.000.000	-	-	
Công ty VinEcom	Công ty con	208.200.000.000	-	-	
Công ty VinFashion	Công ty con	56.000.000.000	-	-	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch về góp vốn, nhận cổ tức: (tiếp theo)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Cổ tức được chia	Cổ tức đã nhận	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Thành phố xanh	Công ty liên kết	145.000.000.000	-	-	Đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư
Công ty BFF	Công ty con	119.000.000.000	-	-	-
Công ty BĐS Hồ Tây	Công ty con	17.500.000.000	-	-	-
Công ty VinEcom	Công ty con	70.060.042.123	-	-	-
Công ty Vinhomes	Công ty con	229.990.000.000	-	-	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	1.054.503.562.500	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	385.546.875.000	(385.546.875.000)	4.000.000.000.000

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Giao dịch vay và cho vay:

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	378.200.000.000	(94.000.000.000)	-	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	357.000.000.000	(357.000.000.000)	(5.894.180.575.339)	2.515.034.166.667	
Công ty BFF	Công ty con	127.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.656.700.000.000	(2.093.062.094.486)	-	-	-
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con	-	-	(840.000.000.000)	600.000.000.000	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	914.815.414.310	(155.923.992.900)	(99.054.333.183)	124.151.191.120	
Công ty Xavinco	Công ty con	-	-	-	1.112.435.000.000	
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	6.000.000.000	(40.000.000.000)	-	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	2.316.291.715.472	(2.169.585.698.246)	-	-	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	490.872.367.027	(1.709.200.640.675)	(591.656.789.804)	204.000.000.000	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	-	-	-	129.865.861.848	
Công ty VinGS	Công ty con	6.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Vinpearl	Công ty con	403.065.004.619	-	-	-	-
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	719.199.173.034	(780.000.000.000)	-	-	-
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	600.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Vinpearlland	Công ty con	558.000.000.000	(200.000.000.000)	-	-	-
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	-	-	-	10.000.000.000	
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	-	-	-	910.850.000.000	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	3.362.000.000.000	(1.600.000.000.000)	-	894.987.500.000	
Công ty Vinmec	Công ty con	12.000.000.000	(600.000.000.000)	-	-	-
Công ty Khánh Gia	Công ty con	126.500.000.000	(138.700.000.000)	-	-	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay: (tiếp theo)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	976.350.000.000	(1.703.500.000.000)	-	-
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	-	-	(700.000.000.000)	1.236.000.000.000
Công ty VinFashion	Công ty con	10.000.000.000	(1.010.500.000.000)	-	-
Công ty QLXD Vincom 2	Công ty con	20.800.000.000	(20.800.000.000)	-	-
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	38.000.000.000	-	-	-
Công ty VMM Royal City	Công ty con	50.000.000.000	-	-	-
Công ty Ánh Sao	Công ty con	75.100.000.000	-	-	-
Công ty Vinlinks	Công ty con	28.700.000.000	-	-	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	574.837.109.126	-	-	-
Công ty Thành phố Xanh	Công ty liên kết	500.000.000.000	(500.000.000.000)	-	-
Công ty Vincom Center Thủ Đức	Công ty con	138.700.000.000	-	-	-
Công ty Hòn Một	Công ty con	21.000.000.000	-	-	-
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	-	-	-	5.000.000.000
Công ty Vinschool	Công ty con	-	-	-	9.000.000.000

Đơn vị tính: VNĐ

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► *Giao dịch vay và cho vay:* (tiếp theo)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay
Công ty Vinpearl Quy Nhơn	Công ty con	19.400.000.000	-	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-	-
Công ty BFF	Công ty con	36.500.000.000	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	252.904.045.216	-	(478.000.000.000)	2.139.078.125.000
Công ty Sài Đồng	Công ty con	840.200.000.000	(1.391.000.000.000)	-	-
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	96.000.000.000	(90.000.000.000)	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	2.535.900.000.000	(1.489.000.000.000)	-	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	100.000.000.000	(199.400.000.000)	-	-
Công ty VinGS	Công ty con	45.000.000.000	-	-	-
Công ty Vinpearl	Công ty con	326.417.767.000	(48.050.000.000)	-	-
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	448.849.619.613	-	-	-
Công ty Vinpearlland	Công ty con	34.000.000.000	(207.000.000.000)	-	-
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	5.000.000.000	(16.000.000.000)	-	-
Công ty QLXD Vincom	Công ty con	484.129.632.372	(440.301.231.015)	-	-
Công ty Vinschool	Công ty con	-	-	(456.884.000.000)	-
Công ty Xavinco	Công ty con	-	-	(635.800.000.000)	34.055.000.000
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	(430.000.000.000)	(2.016.414.406.250)	1.870.000.000.000
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	-	(181.900.000.000)	9.000.000.000
Công ty Thành phố Xanh	Công ty liên kết	-	-	(300.000.000.000)	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Giao dịch thu và trả lãi vay

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã thu	Lãi vay đã trả	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	6.687.955.554	-	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	281.190.611.641	-	-	93.728.738.932	-
Công ty Xavinco	Công ty con	-	(31.090.553.474)	(73.415.689.441)	-	-
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	8.677.472.220	-	-	-	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	10.415.739.484	-	(49.162.890.874)	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	92.998.718.417	-	-	90.000.472.069	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	14.228.267.519	(11.750.944.689)	-	62.100.634.546	-
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	-	-	(13.177.776.331)	-	-
Công ty Vinpearl	Công ty con	10.582.870.952	-	-	6.697.383.062	-
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	38.329.364.915	-	-	32.733.592.140	-
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	-	-	-	-	-
Công ty Vinpearlland	Công ty con	27.297.861.111	-	-	-	-
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	-	(21.854.719.421)	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	444.100.088.154	(213.396.954.702)	(196.842.100.000)	65.273.000.000	-
Công ty Vinmec	Công ty con	26.429.000.000	-	-	38.626.666.667	-
Công ty VMM Royal City	Công ty con	105.484.361.111	-	-	104.577.777.755	-
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	37.260.562.501	-	-	36.148.888.889	-
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	-	(40.988.499.999)	-	-	-
Công ty Vinfashion	Công ty con	17.282.222.222	-	-	26.642.680.556	-
Công ty Vincom Center Thủ Đức	Công ty con	7.727.300.002	-	-	-	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch thu và trả lãi vay (tiếp theo)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay đã thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã trả	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	96.658.333.333	(12.106.707.501)	-	12.223.225.001	
Công ty VMM Royal City	Công ty con	104.577.777.777	(104.577.777.700)	-	-	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	-	(38.621.228.297)	59.343.046.872	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	57.728.883.336	-	-	-	
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	8.248.333.333	-	-	-	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	156.939.999.999	-	-	-	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	50.302.027.902	-	-	-	
Công ty Vinpearl	Công ty con	6.810.854.389	(6.810.854.389)	-	-	
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	11.086.690.040	-	-	-	
Công ty Vinpearliland	Công ty con	16.180.361.111	-	-	-	
Công ty QLXD Vincom	Công ty con	7.338.087.502	-	-	-	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	350.453.487.117	(292.546.820.527)	(171.831.740.277)	232.007.738.196	
Công ty Vinschool	Công ty con	-	-	(6.483.673.778)	-	
Công ty Xavinco	Công ty con	-	-	(5.213.830.418)	7.577.677.563	
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	-	(143.076.597.779)	12.774.110.153	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► *Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung*

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung</i>	<i>Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	(1.334.543.313.646)	1.335.110.365.041	
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con	(260.708.954.382)	286.283.049.577	
Công ty Vinmec	Công ty con	(1.133.431.583.095)	1.200.235.056.534	
Công ty Vinschool	Công ty con	(150.394.745.633)	152.894.866.827	
Công ty VinpearlLand	Công ty con	(133.468.185.802)	126.421.418.208	
Công ty BFF	Công ty con	(55.434.054.083)	51.205.659.875	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(271.643.326.321)	361.730.162.086	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(1.881.826.961.903)	1.843.115.863.937	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(478.003.095.700)	608.423.407.357	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(170.781.560.437)	166.359.420.814	
Công ty Vincom Office	Công ty con	(15.899.549.560)	10.425.483.855	
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	(126.117.542.952)	108.129.035.348	
Công ty VinGS	Công ty con	(24.607.041.038)	19.171.783.801	
Công ty VinEcom	Công ty con	(77.622.510.301)	69.986.894.951	
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	(990.870.483.938)	961.394.332.407	
Công ty Xavinco	Công ty con	(42.883.039.239)	13.535.607.431	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	(342.247.112.284)	329.685.482.144	
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	(12.262.328.524)	11.314.432.691	
Công ty QLXD Vincom 3	Công ty con	(15.179.465.580)	11.194.582.450	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► *Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung* (tiếp theo)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung</i>	<i>Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
Công ty Cho thuê Bất động sản Vinhomes	Công ty con	(50.814.883.727)	48.888.975.300	
Công ty QLXD Vincom 2	Công ty con	(208.160.839.538)	206.114.763.095	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	(52.002.925.674)	45.606.390.526	
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	(707.708.610.681)	700.674.551.409	
Công ty Xây dựng VinMart	Công ty con	(51.178.905.720)	51.178.905.720	
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	(284.403.114.197)	187.313.491.058	
Công ty VinFashion	Công ty con	(88.459.086.306)	83.039.406.904	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Giao dịch thu và chi khác

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khác/ Đã trả khác	Phải trả khác/ Đã thu khác	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty BĐS Hồ Tây	Công ty liên kết	38.665.540.541	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	(428.372.444.417)	(428.372.444.417)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu khác/ Đã trả khác	Phải trả khác/ Đã thu khác	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty BĐS Viettronics	Công ty con	400.000.000.000	(400.000.000.000)	(400.000.000.000)
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	23.491.053.653	(2.037.821.280)	(2.037.821.280)
Công ty Xavinco	Công ty con	16.500.000.000	-	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	10.189.106.400	-	-
Công ty Vinhomes	Công ty con	9.303.543.829	-	-
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	20.378.212.800	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	220.915.028.700	(220.915.028.700)	(220.915.028.700)
Công ty Vincom Center Bà Triệu	Công ty con	14.649.355.274	(11.030.783.758)	(11.030.783.758)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã cung cấp các khoản vay cho các bên liên quan với lãi suất từ 7%/năm đến 16,469%/năm và nhận các khoản vay từ các bên liên quan với lãi suất từ 7%/năm tới 13%/năm. Các khoản cho vay/vay này không có tài sản đảm bảo và được thanh toán bằng tiền hoặc các trừ công nợ. Trong kỳ, Công ty đã cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con cũng phát sinh một số giao dịch thu hộ/chi hộ cho các công ty con.

Trong kỳ, Công ty không phải trích lập dự phòng phải thu từ các bên liên quan (ngày 31 tháng 12 năm 2014: mức dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện theo định kỳ thông qua việc xem xét khả năng tài chính và thị trường hoạt động của các bên liên quan.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

▶ Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Phí quản lý phải thu	54.343.092.815	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Phí quản lý phải thu	126.554.702.075	145.596.886.833
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Phí quản lý phải thu	57.611.379.008	120.213.363.203
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Phí quản lý phải thu	16.500.000.000	55.570.894.844
Công ty Xavinco	Công ty con	Phí quản lý phải thu	1.969.498.898	35.632.284.069
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Phí quản lý phải thu	16.397.616.276	16.500.000.000
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	2.375.530.691
Công ty VinGS	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	3.433.000.375
Công ty Thời Đại	Công ty con	Doanh thu điện nước phải thu	4.998.874.083	1.065.154.464
Công ty Vinpearlland	Công ty con	Phí quản lý phải thu	642.615.186	9.219.367.955
Công ty Vinmec	Công ty con	Tiền điện khu văn phòng phải thu	22.513.378.749	21.894.411.174
Công ty Vinschool	Công ty con	Phí quản lý phải thu	21.983.226.943	176.000.000
Công ty Vinpearl	Công ty con	Phí quản lý phải thu	2.134.375.849	34.718.966.124
Công ty Quản lý Khách sạn Vinpearl	Công ty con	Phí quản lý phải thu	31.310.916.911	40.287.586.000
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Chuyển nhượng BĐS	172.526.640	-
Các công ty khác	Công ty con	Doanh thu cho thuê văn phòng phải thu	8.867.535.002	-
Công ty Vincom Center B HCM	Công ty con	Phí quản lý phải thu	21.107.549.480	-
Các công ty khác	Công ty con	Phí quản lý phải thu	238.801.708	-
		Doanh thu cho thuê văn phòng phải thu	993.506.917	-
		Phí quản lý phải thu	11.663.243.178	4.767.532.351
		Doanh thu cho thuê văn phòng phải thu	2.091.175.433	282.909.072
		Doanh thu cho thuê văn phòng phải thu	402.094.015.151	491.733.887.155

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Ánh Sao	Công ty con	Lãi vay phải thu	1.444.450.000	-
Công ty BFF	Công ty con	Lãi vay phải thu Chi hộ phải thu	6.606.102.574 442.667.292	1.374.283.130 441.480.870
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Lãi vay phải thu Phải thu từ bán cổ phần	45.225.961.823 300.000.000	42.227.715.475 422.341.898.952
Công ty Vinmec	Công ty con	Lãi vay phải thu Chi hộ phải thu	2.333.333 1.082.988.629	12.200.000.000 119.201.599
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Lãi vay phải thu Phải thu từ bán cổ phần Cổ tức phải thu	245.133.914.374 300.000.000	57.672.041.665 1.481.439.467.097 385.546.875.000
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu Lãi vay phải thu Các khoản chi hộ phải thu	4.029.837.000 5.033.187.834 11.594.514.752	- - 9.331.986.499
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	2.035.498.594	179.534.749
Công ty Thời Đại	Công ty con	Lãi vay phải thu Cổ tức phải thu	10.415.739.484 32.000.000.000	- -
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi vay phải thu	40.484.800.345	102.428.711.393
Công ty Thành Phố Xanh	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	1.388.888.889	-
Công ty Vincom Center Bà Triệu	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	17.899.072.261	-
Công ty Vincom Center Hạ Long	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	785.000.000	-
Công ty Vincom Center Thủ Đức	Công ty con	Lãi vay phải thu	4.285.983.334	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9): (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải thu	481.060.428.635	102.233.340.481
Công ty VinGS	Công ty con	Phải thu từ bán cổ phần	85.006.000.000	85.006.000.000
		Lãi vay phải thu	6.290.430.556	3.297.250.000
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	1.529.197.124	4.114.615.749
Công ty VMM Royal City	Công ty con	Lãi vay phải thu	28.062.138.889	27.155.555.533
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	Lãi vay phải thu	31.653.861.111	22.976.388.891
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	Lãi vay phải thu	7.227.033.331	539.077.777
Công ty Vinpearl	Công ty con	Lãi vay phải thu	5.416.973.999	1.531.486.109
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Lãi vay phải thu	-	47.872.367.027
		Chi hộ phải thu	-	2.376.777.595
Công ty Vinpearliland	Công ty con	Lãi vay phải thu	46.490.625.001	19.192.763.890
		Các khoản chi hộ phải thu	1.149.802.435	965.553.084
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	Lãi vay phải thu	23.893.687.476	15.147.914.701
		Chi hộ phải thu	-	521.244.507
Công ty Vinschool	Công ty con	Phải thu từ bán cổ phần	30.616.000.000	73.616.000.000
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	20.466.735.578	20.481.155.578
Công ty Vinfashion	Công ty con	Lãi vay phải thu	13.611.111	9.374.069.445
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	Lãi vay phải thu	2.399.868.056	1.288.194.444
		Chi hộ phải thu	1.338.491.887	520.673.935
Công ty BĐS Hồ Tây	Công ty liên kết	Phải thu từ hoạt động đầu tư	38.665.540.541	-
Các công ty khác	Công ty con	Lãi vay phải thu	672.227.776	90.027.777
		Các khoản chi hộ phải thu	3.258.679.192	1.753.903.198
			1.245.702.273.216	2.955.357.556.150



Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh số 11)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Đặt cọc cho mục đích đầu tư	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
			4.000.000.000.000
			4.000.000.000.000
			Ngày 31 tháng 12 năm 2014
			4.000.000.000.000
			4.000.000.000.000

▶ Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Lãi vay phải trả	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi vay phải trả	11.750.944.689
Công ty Xavinco	Công ty con	Lãi vay phải trả	55.457.531.081
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	Lãi vay phải trả	-
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	Lãi vay phải trả	28.416.925.602
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Lãi vay phải trả	47.625.472.221
Công ty Thời Đại	Công ty con	Lãi vay phải trả	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải trả	89.984.637.760
Các công ty con khác	Công ty con	Lãi vay phải trả	1.869.583.334
			235.105.094.687
			Ngày 31 tháng 12 năm 2014
			63.944.355.493
			42.325.135.967
			6.562.206.181
			6.636.972.222
			11.152.354.862
			49.162.890.874
			72.935.751.527
			2.276.709.442
			254.996.376.568

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả người bán

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty QLXD Vincom 2	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	94.603.858.035	-
Công ty VinEcom	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	19.026.267.979
Công ty Vincom Office	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	2.070.714.624
Công ty Xây dựng Vincom	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	3.563.707.377
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Nam	Công ty cùng chủ sở hữu	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	6.731.500	1.614.704.300
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	949.010.177	-
Công ty Vincom Center B HCM	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	931.183.365	27.478.000
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	626.408.902	496.263.032
Công ty VMM Times City	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	416.204.094	419.945.129
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	310.050.400	-
Các công ty con khác	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	518.962.410	2.244.403.956
			98.362.408.883	29.463.484.397

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Nhận tiền hợp tác đầu tư	6.691.662.382 428.372.444.417	- -
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	15.913.834.084	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Tiền chuyển nhượng cổ phần phải trả	15.259.234.799 6.000.000.000	96.988.969.516 -
Công ty Xavinco	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	29.846.341.640	-
Công ty Vinschool	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	10.451.671.086	12.951.792.280
Công ty VinGS	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	5.945.106.334	509.849.097
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	24.739.548.905	6.751.041.301
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	7.034.059.272	-
Công ty VinEcom	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	10.276.108.681	2.640.493.331
Công ty Vinpearl	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Tiền mua cổ phần phải trả	9.155.863.504 -	4.733.723.881 25.000.000.000
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	112.514.153.411	113.081.204.806
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	97.089.623.139	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Chi hộ phải trả	3.950.449.128 -	134.370.760.785 40.801.352.790
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	73.333.206.813	24.055.586.357
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	12.719.127.894	39.719.518.606
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	6.396.535.148	-
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả Phải trả theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng nguyên tắc	42.819.103.401 575.000.000.000	13.342.951.870 575.000.000.000

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18) (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty QLXD Vincom 2	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	2.046.076.443	-
Công ty QLXD Vincom 3	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	3.984.883.130	-
Công ty Vinpearland	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	10.195.430.750	3.148.663.156
Công ty Vinmec	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	14.631.062.902	81.434.536.341
Công ty Vinfastion	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	5.419.679.402	-
Công ty BFF	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	10.648.583.646	6.420.189.438
Công ty VEFAC	Công ty con	Nhận tiền hợp tác đầu tư	669.436.450.000	-
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	947.895.833	-
Các công ty con khác	Công ty con	Thu chi hộ phải trả	3.853.379.351	2.093.903.255
			2.214.671.515.495	1.183.044.536.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay

► *Phải thu ngắn hạn về cho vay* (Thuyết minh số 8)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	1.713.300.000.000	11%	04/10/2016	Không
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.231.392.454.460	12%	27/10/2015	Không
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	710.107.926.407	7%	31/12/2015	Không
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	600.000.000.000	7%	31/12/2015	Không
Công ty Thời Đại	Công ty con	574.837.109.126	9%	29/05/2016	Không
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	379.800.000.000	7%	30/09/2015	Không
Công ty Sài Đồng	Công ty con	225.591.421.410	11%	15/04/2016	Không
Công ty Vinpearlland	Công ty con	300.000.000.000	10%	01/02/2016	Không
		44.500.000.000	10%	31/10/2015	Không
		150.000.000.000	10%	27/11/2015	Không
		128.000.000.000	10%	08/06/2016	Không
		35.000.000.000	7%	31/01/2016	Không
Công ty Vincom Center Thủ Đức	Công ty con	138.700.000.000	7%	17/12/2015	Không
Công ty Vinpearl	Công ty con	229.065.004.619	7%	01/01/2016	Không
		94.000.000.000	7%	30/09/2015	Không
		80.000.000.000	7%	29/06/2016	Không
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	225.000.000.000	7%	29/05/2016	Không
		7.850.000.000	7%	01/06/2016	Không
		30.000.000.000	7%	13/02/2016	Không
Công ty BFF	Công ty con	176.000.000.000	7%	03/09/2015	Không
		25.500.000.000	7%	21/11/2015	Không
		7.000.000.000	7%	24/06/2016	Không
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	161.000.000.000	7%	14/09/2015	Không
		76.000.000.000	7%	28/11/2015	Không
Công ty VinGS	Công ty con	87.500.000.000	7%	01/11/2015	Không
Công ty Ánh Sao	Công ty con	75.000.000.000	9%	31/07/2015	Không
		100.000.000	7%	26/05/2016	Không
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	54.204.181.818	7%	02/12/2015	Không
Công ty VMM Royal City	Công ty con	50.000.000.000	9,46%	23/04/2016	Không
Công ty Vinlink	Công ty con	22.000.000.000	7%	18/05/2016	Không
		6.700.000.000	9%	12/08/2015	Không
Công ty Vinmec	Công ty con	12.000.000.000	7%	30/12/2015	Không
Công ty Vinfashion	Công ty con	10.000.000.000	7%	24/12/2015	Không
		7.660.148.097.840			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

▶ **Phải thu ngắn hạn về cho vay (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.934.454.548.946	7%	25/04/2015	Không
		1.000.000.000.000	12%	16/03/2015	Không
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	1.036.593.982.774	12%	30/06/2015	Không
		530.000.000.000	12%	01/05/2015	Không
Công ty Vinfashion	Công ty con	1.010.500.000.000	7%	14/05/2015	Không
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	990.000.000.000	7%	05/06/2015	Không
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	993.202.961.983	11%	25/01/2015	Không
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	770.908.753.373	10%	31/12/2015	Không
Công ty Vinmec	Công ty con	600.000.000.000	12%	30/06/2015	Không
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	271.000.000.000	10%	15/03/2015	Không
Công ty Vinpearl	Công ty con	225.125.311.665	11%	28/02/2015	Không
Công ty Vinpearlland	Công ty con	210.000.000.000	7%	27/05/2015	Không
		89.500.000.000	7%	30/04/2015	Không
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	95.600.000.000	7%	30/03/2015	Không
Công ty VinGS	Công ty con	81.500.000.000	9%	01/05/2015	Không
Công ty BFF	Công ty con	56.000.000.000	7%	03/03/2015	Không
		25.500.000.000	9%	21/05/2015	Không
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	16.204.181.818	7%	02/12/2015	Không
Công ty Khánh Gia	Công ty con	12.200.000.000	7%	17/06/2015	Không
		9.948.289.740.559			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

► Phải thu dài hạn về cho vay (Thuyết minh số 8)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Vincom Retail	Công ty con	4.218.600.000.000	16,469%	06/05/2018	Không
		3.129.941.666.667	9,46%	30/12/2018	Không
Công ty VMM Royal City	Công ty con	1.600.000.000.000	13%	14/02/2019	Không
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.000.000.000.000	12%	16/09/2019	Không
		266.700.000.000	11%	16/09/2019	Không
Công ty Sài Đồng	Công ty con	533.300.000.000	11%	16/09/2019	Không
Công ty Hòn Một	Công ty con	21.000.000.000	10%	24/04/2017	Không
		10.769.541.666.667			

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Vincom Retail	Công ty con	4.218.600.000.000	16,469%	06/05/2018	Không
		1.367.941.666.667	14%	30/12/2018	Không
Công ty VMM Royal City	Công ty con	1.600.000.000.000	13%	14/02/2019	Không
		7.186.541.666.667			

28.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan

► Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
		VNĐ	%/năm		
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	2.864.180.575.339	7%	19/03/2016	Không
		1.300.000.000.000	7%	03/06/2016	Không
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	700.000.000.000	7%	03/06/2016	Không
		63.000.000.000	7%	12/08/2016	Không
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	334.000.000.000	11%	18/03/2016	Không
		53.656.789.804	11%	13/02/2016	Không
Công ty Quản Lý Vinhomes	Công ty con	240.000.000.000	7%	25/03/2016	Không
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	140.066.297.667	7%	31/12/2015	Không
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	5.000.000.000	7%	31/12/2015	Không
		5.699.903.662.810			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

28.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan (tiếp theo)

► Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1) (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	1.299.000.000.000	7%	25/05/2015	Không
Công ty Xavinco	Công ty con	1.112.435.000.000	7%	01/06/2015	Không
Công ty QLXD Vincom 1	Công ty con	1.050.916.297.667	7%	02/06/2015	Không
Công ty Vincom Retail	Công ty con	894.987.500.000	7%	27/05/2015	Không
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	785.034.166.667	7%	25/06/2015	Không
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	129.865.861.848	10%	16/06/2015	Không
Công ty Sài Đồng	Công ty con	25.096.857.937	13%	08/06/2015	Không
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	10.000.000.000	7%	31/01/2015	Không
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	10.000.000.000	7%	11/02/2015	Không
Công ty Vinschool	Công ty con	9.000.000.000	7%	03/03/2015	Không
Công ty BĐS Hồ Tây	Công ty con	2.105.006.054	12%	05/05/2015	Không
		5.328.440.690.173			

► Vay dài hạn (Thuyết minh số 19.2)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Vincom Retail		2.491.454.672.431	13%	12/01/2019	Không
		2.491.454.672.431			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Vincom Retail	Công ty con	2.478.671.566.166	13%	12/01/2019	Không có
		2.478.671.566.166			

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lương và thưởng	10.273.375.360	8.707.753.406
	10.273.375.360	8.707.753.406

Đơn vị tính: VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư

STT	Bên nhận đầu tư	Vốn góp của bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
			Số tiền	%	Số tiền	Số tiền
		VNĐ	VNĐ		VNĐ	VNĐ
1	Công ty Tây Tăng Long	300.000.000.000	30.000.000.000	10,00	635.000.000	29.365.000.000
2	Công ty Hà Thành	6.000.000.000	6.000.000.000	100,00	100.000.000	5.900.000.000
3	Công ty VinEcom	1.050.000.000.000	577.500.000.000	55,00	368.844.043.467	208.655.956.533
4	Công ty Vinlandscape	50.000.000.000	50.000.000.000	100,00	1.642.634.948	48.357.365.052
5	Công ty Bảo vệ Vincom	50.000.000.000	50.000.000.000	100,00	2.000.000.000	48.000.000.000
6	Công ty QLXD Vincom 1	200.000.000.000	200.000.000.000	100,00	153.045.000.000	46.955.000.000
7	Công ty Vinhomes 2	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	5.640.000.000	88.360.000.000
8	Công ty QLXD Vincom 3	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	10.310.000.000	83.690.000.000
9	Công ty Vinschool	100.000.000.000	100.000.000.000	100,00	6.000.000.000	94.000.000.000
10	Công ty Ngọc Viễn Đông	1.153.850.000.000	519.232.500.000	45,00	6.000.000.000	513.232.500.000
11	Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	100.000.000.000	100.000.000.000	100,00	31.000.000.000	69.000.000.000
12	Công ty VinPro	400.000.000.000	376.000.000.000	94,00	258.000.000.000	118.000.000.000
13	Công ty VinDS	300.000.000.000	210.000.000.000	70,00	36.200.000.000	173.800.000.000
14	Công ty QLXD Vincom 4	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	3.950.000.000	90.050.000.000
15	Công ty QLXD Vincom 5	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	6.150.000.000	87.850.000.000
16	Công ty QLXD Vincom 6	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	1.600.000.000	45.400.000.000
17	Công ty QLXD Vincom 7	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	-	47.000.000.000
18	Công ty VinAcademy	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	4.500.000.000	42.500.000.000
19	Công ty Vineco	2.000.000.000.000	1.400.000.000.000	70,00	11.500.000.000	1.388.500.000.000
20	Công ty Marketing VME	6.000.000.000	5.640.000.000	94,00	1.100.000.000	4.540.000.000
		6.265.850.000.000	4.141.372.500.000		908.216.678.415	3.233.155.821.585

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2015, Công ty và Công ty QLXD Vincom 1 đã ký kết một hợp đồng tổng thầu liên quan đến việc triển khai dự án TTTM Vincom Xuân Khánh Cần Thơ tại đường 30-4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tổng số vốn cam kết theo hợp đồng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 ước tính là 1.202 tỷ VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác

Cam kết liên quan đến Dự án bất động sản tại số 69B Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Theo thỏa thuận đền bù ký ngày 30 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty với các đối tác doanh nghiệp, Công ty đồng ý đền bù một khoản 128 tỷ VNĐ cho mục đích giải phóng mặt bằng để thực hiện một dự án bất động sản trên khu đất tại số 69B Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản cam kết còn lại trong thỏa thuận là 86,7 tỷ VNĐ.

Cam kết liên quan đến Dự án bất động sản tại số 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 4 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty và các đối tác doanh nghiệp, Công ty cam kết chuyển một khoản tiền đặt cọc với giá trị là 105 tỷ VNĐ để thực hiện một dự án bất động sản tại số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội cũng như cam kết hỗ trợ một số đối tác doanh nghiệp này với số tiền là 105 tỷ VNĐ. Các khoản cam kết này sẽ được chuyển thành vốn góp của Công ty BĐS Thăng Long, là công ty được thành lập để thực hiện dự án bất động sản này.

Cam kết theo Thỏa thuận đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Nam Hà Nội

Theo Thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 20 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty và Công ty Sài Đồng, công ty con, Công ty cam kết thanh toán cho Công ty Sài Đồng và một số cổ đông của Công ty Nam Hà Nội số tiền 4.825,6 tỷ VNĐ để nhận chuyển nhượng 92.800.000 cổ phần Công ty Nam Hà Nội, tương đương với 46,4% vốn điều lệ của Công ty Nam Hà Nội (Thuyết minh số 11). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số tiền cam kết còn lại theo thỏa thuận này là 825,6 tỷ VNĐ.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên

Theo Công văn số 3070/UBND-ĐC2 về việc ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên tại quận Hải An và huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng để phát triển Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở, công viên sinh thái, Công ty có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng với tổng số tiền là 351,8 tỷ VNĐ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số tiền đền bù còn lại phải trả là 132,5 tỷ VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
	Đầu tư ngắn hạn	(1)	11.128.236.360.604	(11.128.236.360.604)	(**)
121	Chứng khoán kinh doanh	(1)	(*)	105.781.413.500	105.781.413.500
	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2)	(77.245.017.700)	77.245.017.700	(**)
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2)	(*)	(31.336.416.600)	(31.336.416.600)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(1)	(*)	613.621.378.611	613.621.378.611
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	(3)	25.707.557.582	88.659.007.975	114.366.565.557
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	(1)	(*)	10.095.161.190.581	10.095.161.190.581
136	Phải thu ngắn hạn khác	(3),(4)	3.219.663.790.306	(87.950.275.871)	3.131.713.514.435
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2)	(23.083.251.751)	(45.908.601.100)	(68.991.852.851)
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	(5)	35.530.445.611	(9.303.353.064)	26.227.092.547
155	Tài sản ngắn hạn khác	(4)	4.247.747.328.596	(708.732.104)	4.247.038.596.492
215	Phải thu về cho vay dài hạn	(6)	(*)	8.091.074.666.667	8.091.074.666.667
216	Phải thu dài hạn khác	(7)	(*)	3.540.000	3.540.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(1)	10.196.244.610	313.672.377.912	323.868.622.522
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(6)	(*)	564.085.000.000	564.085.000.000
	Đầu tư dài hạn khác	(6)	8.655.159.666.667	(8.655.159.666.667)	(**)
261	Chi phí trả trước dài hạn	(8)	720.305.231.696	(643.628.136.053)	76.677.095.643
268	Tài sản dài hạn khác	(7)	2.600.003.540.000	(3.540.000)	2.600.000.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(9)	6.679.185.237	243.159.240.000	249.838.425.237
319	Phải trả ngắn hạn khác	(9)	1.816.476.547.694	(243.159.240.000)	1.573.317.307.694
320	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	(8)	6.049.846.940.173	(22.353.047.536)	6.027.493.892.637
338	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	(5),(8),(10)	19.832.268.463.709	(3.972.862.532.495)	15.859.405.931.214
339	Trái phiếu chuyển đổi	(8),(10)	(*)	3.342.284.090.914	3.342.284.090.914
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(11)	(*)	21.000.000.000	21.000.000.000
	Quỹ dự phòng tài chính	(11)	21.000.000.000	(21.000.000.000)	-

(*) Các chỉ tiêu mới của Bảng cân đối kế toán theo Thông tư 200.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 200.

- (1) Phân loại đầu tư ngắn hạn sang chứng khoán kinh doanh (105.781.413.500 VNĐ), đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (613.621.378.611 VNĐ), phải thu về cho vay ngắn hạn (10.095.161.190.581 VNĐ), và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (313.672.377.912 VNĐ);
- (2) Phân loại dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn sang dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (31.336.416.600 VNĐ) và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (45.908.601.100 VNĐ);
- (3) Phân loại từ phải thu ngắn hạn khác sang trả trước cho người bán ngắn hạn (88.659.007.975 VNĐ); phân loại từ phải thu ngắn hạn khác sang trả trước cho người bán (708.732.104 VNĐ);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

- (4) Bù trừ chi phí trả trước ngắn hạn vào vay và nợ thuê tài chính dài hạn (9.303.353.064 VNĐ);
- (5) Phân loại đầu tư dài hạn khác sang phải thu về cho vay dài hạn (8.091.074.666.667 VNĐ);
- (6) Phân loại lại tài sản dài hạn khác sang phải thu dài hạn khác (3.540.000 VNĐ);
- (7) Bù trừ chi phí trả trước dài hạn vào vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (22.353.047.536 VNĐ), vay và nợ thuê tài chính dài hạn (475.159.179.431 VNĐ), và trái phiếu chuyển đổi (146.115.909.086 VNĐ);
- (8) Phân loại lại phải trả ngắn hạn khác sang thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (243.159.240.000 VNĐ);
- (9) Phân loại lại vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang trái phiếu chuyển đổi (3.488.400.000.000 VNĐ);
- (10) Phân loại quỹ dự phòng tài chính sang quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (21.000.000.000 VNĐ).

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đã được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty còn có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán sau:

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2015, Công ty đã ký kết Hợp đồng đặt cọc với một số cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty hiện đang sở hữu một dự án bất động sản tiềm năng tại Hà Nội. Theo đó, Công ty cam kết đặt cọc với số tiền là 2.500 tỷ VNĐ trong đó 1.500 tỷ VNĐ đã được chi trả trong tháng 7 năm 2015.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Ngô Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỐ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vincom Retail	Công ty Vincom Retail	99,99	98,09	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH MTV Vincom Center B Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty Vincom Center B HCM	100,00	98,09	Số 72, Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
3	Công ty TNHH Vincom Center Bà Triệu	Công ty Vincom Center Bà Triệu	100,00	98,09	Số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
4	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Bất động sản Hải Phòng	Công ty BĐS Hải Phòng	100,00	98,09	Số 5, đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH MTV Vincom Mega Mall Royal City	Công ty VMM Royal City	100,00	98,09	Số 72A, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
6	Công ty TNHH Vincom Center Hạ Long	Công ty Vincom Center Hạ Long	100,00	98,09	Khu Cột Đồng Hồ, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
7	Công ty TNHH Vincom Mega Mall Times City	Công ty VMM Times City	100,00	98,09	Số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
8	Công ty TNHH Metropolis	Công ty Metropolis	100,00	98,09	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
9	Công ty TNHH Riverview Complex Đà Nẵng	Công ty Riverview Đà Nẵng	97,11	95,26	Đường Ngô Quyền, Phường An Bắc Hải, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty TNHH Vincom Thủ Đức	Công ty Vincom Center Thủ Đức	100,00	98,09	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa	Công ty Suối Hoa	88,00	86,32	Km1 + 200, Đường Trần Hưng Đạo, P. Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản, môi giới, tư vấn và đầu giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỐ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
12	Công ty TNHH Quản lý Khách sạn Vingroup	Công ty Quản lý Khách sạn Vingroup	100,00	92,86	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, môi giới, đầu giá bất động sản, quảng bá tour du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày
13	Công ty TNHH Quản lý sân Golf Vingroup	Công ty Quản lý sân Golf Vingroup	100,00	92,86	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý
14	Công ty Cổ phần Vingroup	Công ty Vingroup	100,00	92,86	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
15	Công ty TNHH Vingroup Nha Trang	Công ty Vingroup Nha Trang	100,00	92,86	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
16	Công ty TNHH MTV Vingroup Đà Nẵng	Công ty Vingroup Đà Nẵng	100,00	92,86	Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
17	Công ty TNHH MTV Vingroup Hội An	Công ty Vingroup Hội An	100,00	92,86	Khối Phước Hải, phường Cửa Đại, Hội An, Quảng Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
18	Công ty Cổ phần Vingroup Quy Nhơn	Công ty Vingroup Quy Nhơn	98,00	91,00	Thôn Hải Giang, xã Nhơn Hải, Quy Nhơn, Bình Định	Cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác
19	Công ty TNHH Future Property Invest	Công ty FPI	100,00	92,86	Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
20	Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	Công ty Hòn Một	83,63	77,66	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
21	Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	Công ty Tây Hồ View	70,00	65,00	58 Tây Hồ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TÓ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
22	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Công ty Vinpearl Bãi Dài	90,00	83,57	17A Bạch Đằng, Phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
23	Công ty TNHH Đầu tư Cam Ranh	Công ty Cam Ranh	90,00	83,57	Số 16, Mạc Đĩnh Chi, phường Phước Tiến, Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
24	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hòn Tre	Công ty Hòn Tre	90,00	83,57	Số 42/2 Đồng Nai, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
25	Công ty TNHH MTV Vinpearl Phú Quốc	Công ty Vinpearl Phú Quốc	100,00	51,07	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
26	Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Công ty Vinpearl Hạ Long	100,00	92,86	Đảo Rều, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
27	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	Công ty Du lịch Phú Quốc	55,00	51,07	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
28	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia	Công ty Hoàng Gia	98,36	98,36	Số 72A, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
29	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội	Công ty Nam Hà Nội	97,90	95,21	Số 458 đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	Công ty Sài Đồng	94,00	94,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
31	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản và Phát triển Hạ tầng Đô thị Hà Thành	Công ty Hà Thành	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
32	Công ty TNHH Xalivico	Công ty Xalivico	74,00	71,35	233 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỐ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
33	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavincos	Công ty Xavincos	96,44	96,42	Số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
34	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	Công ty Tây Tăng Long	59,00	55,50	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
35	Công ty TNHH Hợp tác Kinh doanh và Phát triển ISADO	Công ty ISADO	70,00	65,80	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
36	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty Tân Liên Phát	75,00	74,38	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
37	Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Ngân	Công ty Hồng Ngân	99,00	93,06	Số 31 Ngô Giếng, phố Đông Các, phường Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, thành phố Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
38	Công ty TNHH Quản lý Vincharm SPA	Công ty Vincharm SPA	100,00	87,87	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ chăm sóc sắc đẹp
39	Công ty TNHH Vinpearland	Công ty Vinpearland	100,00	100,00	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
40	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại	Công ty Thời Đại	100,00	100,00	Số 72, Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
41	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp VinGS	Công ty VinGS	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ ăn uống
42	Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty Vinschool	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp dịch vụ giáo dục
43	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty Vinmec	100,00	95,25	Số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
44	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	Công ty BFF	86,96	86,96	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TÓ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
45	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1 ⁽²⁾	Công ty Vinhomes 1	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Kinh doanh bất động sản
46	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 2	Công ty Vinhomes 2	100,00	99,71	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Kinh doanh bất động sản
47	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vin Tây	Công ty Vin Tây	95,00	93,19	14, Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
48	Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp dịch vụ quản lý, tư vấn, quảng cáo và môi giới về bất động sản
49	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	Công ty Bảo vệ Vincom	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
50	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Quản lý Cảnh quan Vinlandscape	Công ty Vinlandscape	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
51	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1 ⁽³⁾	Công ty QLXD Vincom 1	100,00	100,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
52	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 2	Công ty QLXD Vincom 2	100,00	99,71	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
53	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	Công ty QLXD Vincom 3	100,00	99,71	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
54	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 4	Công ty QLXD Vincom 4	100,00	99,71	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyễn, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
55	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 5	Công ty QLXD Vincom 5	100,00	99,71	Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
56	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 6	Công ty QLXD Vincom 6	100,00	99,71	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
57	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	Công ty QLXD Vincom 7	100,00	99,71	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
58	Công ty TNHH VinEcom	Công ty VinEcom	55,00	55,00	Tower 2, Khu đô thị Times City, số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng	Bán lẻ qua điện thoại và internet
59	Công ty Cổ phần Vinfashion	Công ty Vinfashion	70,00	70,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	May trang phục Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
60	Công ty Cổ phần Siêu thị VinMart	Công ty Siêu thị VinMart	70,00	70,00	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
61	Công ty Cổ phần Siêu thị Đại Dương	Công ty Siêu thị Đại Dương	80,00	56,00	Số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
62	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vinpro	Công ty Vinpro	100,00	99,71	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn, máy tính, phần mềm và thiết bị viễn thông
63	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	Công ty Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	70,00	70,00	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích
64	Công ty TNHH Marketing VME	Công ty Marketing VME	100,00	99,71	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp dịch vụ marketing
65	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Siêu tốc	Công ty Siêu tốc	100,00	98,51	Số 101 Mai Hắc Đế, Phường Bưởi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
66	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty VinAcademy	100,00	99,71	Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp dịch vụ giáo dục
67	Công ty TNHH đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp Vineco	Công ty Vineco	70,00	70,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
68	Công ty TNHH đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp Vineco Tam Đảo	Công ty Vineco Tam Đảo	89,02	62,32	Thôn Cơ Quan, TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
69	Công ty Cổ phần Vinlinks	Công ty Vinlinks	80,00	80,00	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
70	Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Hợp Nhất	Công ty Chuyển phát nhanh Hợp Nhất	99,92	79,93	Tầng 8, toà nhà 3D đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
71	Công ty Cổ phần Hợp Nhất Thương mại	Công ty Hợp Nhất Thương mại	99,80	79,84	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
72	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	Công ty Triển lãm Việt Nam	89,42	89,42	148 Đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Tổ chức hội trợ, triển lãm, hội nghị trong và ngoài nước
73	Công ty TNHH Bất động sản Ánh Sao	Công ty Ánh Sao	94	94	72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày

(1) Tên địa chỉ đầy đủ: Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội.

(2) Tên trước đây là Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes.

(3) Tên trước đây là Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom.

